TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: ***27 /2019/DSST.***
Ngày:21/10/2019.
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Trần Minh Tuấn.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện H tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Huyện H; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2019/TLST - DS ngày 18/6/2019; về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1966; Địa chỉ: KP Lạc Hưng 2, thị trấn Lạc Tánh, Huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. Bị đơn: - Bà Lâm Thị Hòa Th, sinh năm 1972; Địa chỉ: KP Lạc Tín, thị trấn Lạc Tánh, Huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

- Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1970; địa chỉ: KP. Lạc Hưng 1, thị trấn Lạc Tánh, Huyện H, Bình Thuận. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Đoàn Thị M yêu cầu:

Bà M khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Đình S và bà Lâm Thị Hòa Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đoàn Thị M số tiền nợ vay là 27.500.000đồng. Căn cứ khởi kiện cụ thể là: Ngày 28/6/2013 âm lịch Bà Th có vay của Bà M số tiền 25.000.000đồng. Số tiền này Bà Th vay để cho người dân tộc ứng tiền. Khi vay số tiền này Bà Th đã ghi vào sổ của Bà M với nội dung "*Thới mượn của Nga 25 triệu đồng*". Sau đó, Bà Th có chơi hụi với Bà M còn nợ thêm 2.500.000đồng chưa trả nên Bà Th nói với Bà M cộng

dồn số tiền đó vào tiền nợ trước đây nên Bà M đã tự ghi vào sổ của mình và cộng với số tiền Bà Th vay chưa trả là 25.000.000đồng thành tổng số tiền Bà Th còn nợ là 27.500.000đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trong thời gian Bà Th vay của Bà M số tiền này thì Bà Th và chồng là ông Nguyễn Đình S còn chung sống với nhau nên Bà M yêu cầu Ông S cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho Bà M.

Tại phiên tòa, bà Đoàn Thị M thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình chỉ khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thị Hòa Th và ông Nguyễn Đình S phải trả cho Bà M số tiền nợ vay là 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), số tiền còn lại là 2.500.000đồng do Bà Th không thừa nhận và không ký vay vào sổ của Bà M nên Bà M không yêu cầu đối với số tiền này nữa.

Chứng cứ Bà M đã cung cấp gồm: 01 mảnh giấy có ghi nội dung: *"Thới mượn của Nga 25 triệu đồng 28/6 AL 2013"*.

Bị đơn – bà Lâm Thị Hòa Th trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giữa Bà Th và bà Đoàn Thị M (tên thường gọi lại Nga) là bạn bè quen biết nhau.

Trước đây Bà Th có vay tiền và chơi hụi với Bà M nhiều lần, có lần bà vay của Bà M đến 120.000.000đồng. Khi vay tiền hay hốt hụi từ Bà M thì Bà M đều buộc Bà Th ghi nợ vào sổ của Bà M, nhưng khi thanh toán nợ thì Bà Th không lấy lại các giấy vay đã viết. Cho đến nay Bà Th đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Bà M và không còn nợ nần gì với Bà M nữa.

Bà Th thừa nhận chữ viết trong chứng cứ mà Bà M cung cấp có nội dung ghi "*Thới mượn của Nga 25 triệu đồng 28/6AL 2013*" là chữ viết của Bà Th còn các nội dung còn lại trong giấy này không phải là chữ viết của bà Thới. Ngoài ra Bà Th cho rằng chứng cứ mà Bà M cung cấp cho Tòa án là do Bà M tự cắt ghép. Các khoản tiền Bà Th vay của Bà M thì Bà Th đều đã thanh toán đầy đủ, hiện nay không còn nợ Bà M nữa.

Bà Th không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Bị đơn – ông Nguyễn Đình S trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông S cho rằng giữa Ông S và bà Đoàn Thị M không có quan hệ quen biết gì nhau. Trước đây bà Lâm Thị Hòa Th vay mượn tiền của Bà M như thế nào, vay bao nhiêu tiền, mục đích vay để làm gì thì Ông S không được biết, Ông S không ký giấy tờ vay mượn tiền của Bà M. Vì vậy việc Bà M khởi kiện yêu cầu Ông S phải có trách nhiệm liên đới cùng Bà Th trả số tiền nợ 25.000.000đồng thì Ông S không chấp nhận.

Ông S không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện H phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của BLTTDS.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 Bộ luật TTDS; các điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; điều 27, điều 37 Luật HNGĐ 2014 để tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M: Buộc bà Lâm Thị Hòa Th và ông Nguyễn Đình S phải liên đới trả cho bà Đoàn Thị M số tiền nợ là 25.000.000đ; chia phần Ông S và Bà Th mỗi người phải trả cho Bà M số tiền 12.500.000đồng.

Đề nghị buộc bà Lâm Thị Hòa Th và ông Nguyễn Đình S phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện H phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bà Lâm Thị Hòa Th và ông Nguyễn Đình S phải trả số tiền 25.000.000đồng. Đây là số tiền mà Bà Th đã vay mượn của Bà M từ năm 2013; bị đơn bà Lâm Thị Hòa Th thừa nhận trước đây có vay tiền của Bà M nhưng hiện nay đã thanh toán đầy đủ tiền nợ cho Bà M. Do đó HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Đoàn Thị M:

Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Đoàn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Lâm Thị Hòa Th và ông Nguyễn Đình S phải trả số tiền còn nợ là 25.000.000đồng. Đây là số tiền mà Bà Th đã vay của Bà M từ ngày 28/6/2013 âm lịch, trong thời kỳ hôn nhân của Bà Th và Ông S nhưng đến nay chưa trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Bà M đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ là mảnh giấy có ghi nội dung *"Thới mượn của Nga 25 triệu đồng 28/6 AL 2013".* Bà Th xác nhận chữ viết có nội dung nêu trên trong chứng cứ mà Bà M đã cung cấp đúng là chữ viết của Bà Th. Tuy nhiên Bà Th cũng cho rằng các khoản tiền Bà Th đã vay của Bà M trước đây thì bà đều đã thanh toán đầy đủ cho Bà M. Vì vậy hiện nay Bà Th không còn nợ tiền Bà M và cũng không chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của Bà M. Tuy nhiên Bà Th không đưa ra được chứng cứ thể hiện việc bà đã thanh toán khoản nợ 25.000.000đồng đã vay ngày 28/6/2013 âm lịch cho Bà M. Hơn nữa Bà M cũng trình bày khi Bà Th vay tiền của Bà M thì Bà Th tự ghi vào sổ của Bà M, khi Bà Th trả nợ cho Bà M thì Bà M và Bà Th sẽ hủy giấy vay hoặc là gạch sổ vay. Riêng với khoản vay 25.000.000đồng ngày 28/6/2013

âm lịch Bà Th vay nhưng chưa trả nên Bà M vẫn lưu giữ giấy tờ. Do đó HĐXX xác định: Hiện nay bà Lâm Thị Hòa Th còn nợ bà Đoàn Thị M số tiền nợ vay là 25.000.000đồng, cần buộc Bà Th phải trả cho Bà M số tiền này là phù hợp với quy định tại điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét về nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại phiên tòa bà Đoàn Thị M yêu cầu bà Lâm Thị Hòa Th và ông Nguyễn Đình S phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Bà M vì thời điểm Bà Th vay tiền của Bà M thì giữa Bà Th và Ông S vẫn còn quan hệ hôn nhân nên Ông S phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ vay do Bà Th xác lập.

Bà Lâm Thị Hòa Th cũng trình bày nếu có căn cứ xác định bà còn phải trả nợ cho bà Đoàn Thị M thì Bà Th yêu cầu ông Nguyễn Đình S phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho Bà M. Vì các khoản tiền Bà Th vay trong thời kỳ hôn nhân đều nhằm mục đích đầu tư phát triển kinh tế chung của gia đình.

Ông Nguyễn Đình S cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và Bà Th nếu những khoản nợ nào do ông cùng ký vay thì ông sẽ chịu trách nhiệm trả còn những khoản nợ nào Ông S không ký vay thì Ông S không chịu trách nhiệm trả. Riêng đối với khoản tiền 25.000.000đồng mà Bà Th đã vay của bà Đoàn Thị M thì Ông S không ký vay cũng không biết Bà Th vay vào thời gian nào, đồng thời Bà Th sử dụng vào mục đích gì thì Ông S không được biết. Vì vậy Ông S không chịu trách nhiệm trả nợ cho Bà M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay tiền giữa bà Lâm Thị Hòa Th với bà Đoàn Thị M chỉ do Bà Th tham gia xác lập, thực hiện; ông Nguyễn Đình S không tham gia xác lập. Trước và sau khi vay tiền Bà Th không thông qua ý kiến của Ông S, Ông S cũng không biết Bà Th vay tiền vào thời gian nào và sử dụng vào mục đích gì. Tại phiên tòa Bà Th chỉ trình bày việc bà vay tiền để sử dụng chi phí trong gia đình và phát triển kinh tế gia đình nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh về mục đích sử dụng tiền vay của mình. Do đó không có căn cứ buộc ông Nguyễn Đình S phải có trách nhiệm liên đới cùng Bà Th trả nợ vay cho Bà M. Vì vậy cần buộc bà Lâm Thị Hòa Th phải trả cho bà Đoàn Thị M số tiền nợ vay là 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Bà M được chấp nhận nên cần buộc Bà Th nộp án phí DS/ST; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho Bà M là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 Bộ luật TTDS;

- Các Điều 471, 474 BLDS 2005 và khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;

- Khoản 3 điều 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- **Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M:

Buộc bà Lâm Thị Hòa Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị M số tiền nợ vay là 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Bà Th)còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận được về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M về việc buộc ông Nguyễn Đình S phải liên đới trả nợ vay cho bà Đoàn Thị M.

Về án phí:

- Buộc bà Lâm Thị Hòa Th phải nộp 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

- Hoàn lại cho bà Đoàn Thị M số tiền 687.500đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0013424, ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện H.

Án xử sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/10/2019). (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Huyện H;
- Các đương sự……;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa